

Số: 128/QĐ-UBND

Ngọc Hà, ngày 04 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NGỌC HÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;
Căn cứ Nghị quyết số:08/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của HĐND phường Ngọc Hà về dự toán và phương án phân bổ ngân sách phường Ngọc Hà năm 2025;
Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của UBND phường Ngọc Hà về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán thu, chi ngân sách phường Ngọc Hà năm 2025;
Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị tại Tờ trình số: 14/TTr-TCKH ngày 04/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách phường Ngọc Hà năm 2025. (Theo biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố Hà Nội;
- Sở tài chính Hà Nội;
- TT Đảng ủy- TT HĐND phường;
- UB MTTQ Việt Nam phường;
- Các Đ/c PCT UBND phường;
- Công thông tin điện tử UBND phường;
- Như điều 3;
- Lưu VT, KTHT&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lương Xuân Dương

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 128 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Ngọc Hà)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
TỔNG SỐ THU	278,624,000	TỔNG SỐ CHI	558,860,000	
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	2,020,000	I. Chi đầu tư phát triển	314,274,000	TP giao UBND phường làm chủ đầu tư
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	32,018,000	II. Chi thường xuyên	243,430,000	
III. Thu bổ sung	244,586,000	III. Dự phòng	1,156,000	
- Bổ sung cân đối	56,793,000			
- Bổ sung có mục tiêu	187,793,000			
IV. Thu chuyển nguồn				

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 128/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Ngọc Hà)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	278,624,000	278,624,000
I	Các khoản thu 100%	2,020,000	2,020,000
	Phí, lệ phí	1,462,000	1,462,000
	Thu khác	558,000	558,000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	32,018,000	32,018,000
1	Các khoản thu phân chia	32,018,000	32,018,000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10,433,000	10,433,000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	21,585,000	21,585,000
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	244,586,000	244,586,000
	- Thu bổ sung cân đối	56,793,000	56,793,000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	187,793,000	187,793,000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 128 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Ngọc Hà)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (TP giao UBND phường làm chủ đầu tư)	THƯỜNG XUYỀN
A	B	I=2+3	2	3
	TỔNG CHI	558,860,000	314,274,000	244,586,000
	Trong đó	314,274,000	314,274,000	
1	Chi giáo dục	129,962,603		129,962,603
2	Chi quốc phòng	6,169,463		6,169,463
3	Chi an ninh	11,466,742		11,466,742
4	Chi y tế	5,955,243		5,955,243
5	Chi văn hóa, thông tin	1,432,720		1,432,720
6	Chi thể dục thể thao	1,064,079		1,064,079
7	Chi các hoạt động kinh tế	1,220,000		1,220,000
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	58,914,121		58,914,121
9	Chi cho công tác xã hội	19,250,881		19,250,881
10	Chi khác	7,994,148		7,994,148
11	Dự phòng ngân sách	1,156,000		1,156,000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (UBND THÀNH PHỐ GIAO PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ)
(Kèm theo Quyết định số: 128/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Ngọc Hà)

đơn vị tính: đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú	
					Số dự án	KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025			
								Tổng số	Tiếp tục thực hiện		Hủy bỏ/ điều chỉnh DA khác
	Tổng cộng	131	1,449,604,000,000	1,135,330,000,000	63	314,274,000,000	265,949,458,506	48,324,541,494	47,142,420,009	1,182,121,485	
A	Dự án đã hoàn thành	75	628,450,000,000	537,575,000,000	34	90,875,000,000	71,902,986,141	18,972,013,859	17,789,892,374	1,182,121,485	
A.1	Đã quyết toán xong (đóng mã dự án)	30	143,101,000,000	143,101,000,000	0	0	0	0	0	0	
I	Lĩnh vực giáo dục	7	65,149,000,000	65,149,000,000	-	-	-	-	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp trường MG số 5	1	2,918,000,000	2,918,000,000							
2	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Hoàng Hoa Thám	1	3,544,000,000	3,544,000,000							
3	Cải tạo, nâng cấp trường MN Sao Mai (đạt chuẩn QG)	1	4,029,000,000	4,029,000,000							
4	Cải tạo, nâng cấp trường MG số 9 (đạt chuẩn QG)	1	2,155,000,000	2,155,000,000							
5	XD, cải tạo tổng thể trường TH Vạn Phúc	1	1,682,000,000	1,682,000,000							
6	XD, cải tạo tổng thể trường TH Hoàng Hoa Thám	1	28,547,000,000	28,547,000,000							
7	XD trường TH Nguyễn Bá Ngọc	1	22,274,000,000	22,274,000,000							
II	Lĩnh vực văn hóa thông tin	8	14,834,000,000	14,834,000,000		-	-				
1	XD NSH CD số 9 phường Kim Mã	1	182,000,000	182,000,000							
2	XD NSH CD địa bàn dân cư số 9,10,16 phường Vĩnh Phúc	1	1,753,000,000	1,753,000,000							
3	Xây dựng NSHCD số 3 phường Kim Mã	1	513,000,000	513,000,000							
4	Cải tạo, sửa chữa NSH cộng đồng tổ 5C phường Liễu Giai	1	3,707,000,000	3,707,000,000							

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú
					KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025			
							Tổng số	Tiếp tục thực hiện	Hủy bỏ/ điều chỉnh DA khác	
5	Xây dựng NSH cộng đồng số 7 phường Liễu Giai	1	860,000,000	860,000,000						
6	Xây dựng NSH cộng đồng số 7B phường Liễu Giai	1	420,000,000	420,000,000						
7	Cải tạo sửa chữa NSH CĐ tại số 52 ngõ 31 Đội Nhân	1	1,123,000,000	1,123,000,000						
8	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Vĩnh Khánh	1	6,276,000,000	6,276,000,000						
III	Lĩnh vực HTKT	13	55,191,000,000	55,191,000,000	-					
1	Cải tạo hệ phố Đốc Ngữ	1	143,000,000	143,000,000						
2	Cải tạo hệ phố Quận Ngựa	1	40,000,000	40,000,000						
3	Cải tạo hệ phố Văn Cao - Liễu Giai - Nguyễn Chí Thanh	1	12,473,000,000	12,473,000,000						
4	Cải tạo hệ phố Hoàng Diệu	1	4,859,000,000	4,859,000,000						
5	Cải tạo HTKT 7 phường năm 2020 - dự án 2	1	1,502,000,000	1,502,000,000						
6	Cải tạo hệ phố Đội Cấn	1	1,959,000,000	1,959,000,000						
7	Cải tạo HTKT 7 phường năm 2020 - dự án 1	1	1,453,000,000	1,453,000,000						
8	Cải tạo HTKT các phường năm 2021 - dự án 1	1	5,838,000,000	5,838,000,000						
9	Cải tạo HTKT các phường năm 2021 - dự án 2	1	5,709,000,000	5,709,000,000						
10	Cải tạo hệ đường Bưởi	1	11,743,000,000	11,743,000,000						
11	Chỉnh trang tuyến phố Kim Mã đoạn từ phố Núi Trúc đến phố Giang Văn Giang (đây nhà số lẻ) phường Kim Mã	1	502,000,000	502,000,000						
12	Cải tạo HTKT phường Vĩnh Phúc, Ngọc Hà, Điện Biên, Phúc Xá, Quán Thánh năm 2022	1	8,799,000,000	8,799,000,000						

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú	
					Số dự án	KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025			
								Tổng số	Tiếp tục thực hiện		Hủy bỏ/ điều chỉnh DA khác
13	Cải tạo hệ phố Vĩnh Phúc và khu 7,2ha Vĩnh Phúc	1	171,000,000	171,000,000							
IV	Lĩnh vực QLNN	2	7,927,000,000	7,927,000,000		-	-				
1	Lắp đặt thang máy cho UBND các phường Cống Vị, Kim Mã, Giảng Võ	1	6,535,000,000	6,535,000,000							
2	Lắp đặt màn hình led tại trụ sở Đảng ủy - UBND phường Ngọc Hà	1	1,392,000,000	1,392,000,000							
B.1.2	Đã quyết toán nhưng chưa đóng mã dự án	45	485,349,000,000	394,474,000,000	34	90,875,000,000	71,902,986,141	18,972,013,859	17,789,892,374	1,182,121,485	
I	Lĩnh vực giáo dục	7	164,367,000,000	140,227,000,000	5	24,140,000,000	16,535,464,000	7,604,536,000	7,604,394,000	142,000	
1	Cải tạo, bổ sung phòng học bộ môn trường THCS Ba Đình (đạt chuẩn quốc gia)	1	10,774,000,000	10,774,000,000							
2	Lắp đặt mái che di động sân trường tại các trường mầm non, tiểu học và THCS thuộc quận	1	7,693,000,000	7,693,000,000							
3	Cải tạo, bổ sung phòng chức năng, nhà ăn trường tiểu học Đại Yên	1	51,827,000,000	45,672,000,000	1	6,155,000,000	6,154,858,000	142,000		142,000	
4	Lắp đặt màn hình Led sân khấu tại các trường mầm non, tiểu học và THCS thuộc Ba Đình	1	45,843,000,000	38,271,000,000	1	7,572,000,000	7,525,674,000	46,326,000	46,326,000		
5	Cải tạo trường Mầm non số 6 (đạt chuẩn quốc gia)	1	14,248,000,000	11,131,000,000	1	3,117,000,000	1,000,000,000	2,117,000,000	2,117,000,000		
6	Quy hoạch tổng thể và xây dựng trường TH Hoàng Diệu	1	11,272,000,000	6,476,000,000	1	4,796,000,000	314,356,000	4,481,644,000	4,481,644,000		
7	Cải tạo, bổ sung phòng học và các phòng chức năng trường TH Ba Đình (đạt chuẩn quốc gia)	1	22,710,000,000	20,210,000,000	1	2,500,000,000	1,540,576,000	959,424,000	959,424,000		
II	Lĩnh vực văn hóa thông tin	19	129,349,000,000	109,480,000,000	13	19,869,000,000	18,367,887,726	1,501,112,274	1,500,878,274	234,000	
1	Cải tạo NSH cộng đồng KDC số 1 phường Vĩnh Phúc	1	2,318,000,000	2,318,000,000					-		
2	Cải tạo, sửa chữa NSH cộng đồng K80B phường Vĩnh Phúc	1	718,000,000	718,000,000					-		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú
					KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025			
							Tổng số	Tiếp tục thực hiện	Hủy bỏ/ điều chỉnh DA khác	
3	Cải tạo vườn hoa, cây xanh trên địa bàn phường Vĩnh Phúc	1	2,571,000,000	2,571,000,000			-			
4	NSH cộng đồng số 8 phường Ngọc Hà	1	3,443,000,000	3,443,000,000			-			
5	Xây dựng mới NSH CD K80D phường Vĩnh Phúc	1	294,000,000	294,000,000			-			
6	Cải tạo Cung thể thao tổng hợp Quần Ngựa phục vụ Sea Game 31 và Para Game 11	1	45,509,000,000	42,149,000,000	1	3,360,000,000	170,906,000	170,906,000		
7	GPMB, lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao phục vụ nhân dân trong khu vực tại điểm đất ngổ 515 Hoàng Hoa Thám	1	2,179,000,000	1,981,000,000	1	198,000,000	234,000		234,000	
8	Xây dựng công thông tin du lịch điện tử trên địa bàn quận Ba Đình	1	4,618,000,000	4,618,000,000			-			
9	Cải tạo sân chơi và lắp đặt dụng cụ thể thao tại sân chơi ngách 267/2 đường Hoàng Hoa Thám, TDP số 3B, 3C phường Liễu Giai	1	2,027,000,000	1,756,000,000	1	271,000,000	12,033,200	12,033,200		
10	Tu bổ, tôn tạo hạng mục nhà tam bảo chùa Cổng Yên, phường Vĩnh Phúc	1	2,629,000,000	-	1	2,629,000,000	300,552,000	300,552,000		
11	Xây dựng vườn hoa, cây xanh xung quanh hồ Đàm Tròn	1	1,953,000,000	1,835,000,000	1	118,000,000	30,285,000	30,285,000		
12	Xây dựng, cải tạo NSH CD số 8 phường Liễu Giai	1	5,605,000,000	5,112,000,000	1	493,000,000	41,499,818	41,499,818		
13	Tu bổ tôn tạo di tích đền Đồng Nước	1	24,659,000,000	19,766,000,000	1	4,893,000,000	(45,000)	(45,000)		XHH: 285 trđ
14	Lập hồ sơ số hóa các di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng kháng chiến, địa điểm gắn biển lưu niệm sự kiện trên địa bàn quận	1	3,184,000,000	1,853,000,000	1	1,331,000,000	68,804,000	68,804,000		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú
					KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025			
							Tổng số	Tiếp tục thực hiện	Hủy bỏ/ điều chỉnh DA khác	
15	Trang bị hệ thống an toàn thông tin mạng nội bộ quận và 14 phường giai đoạn 2022-2025	1	12,804,000,000	10,943,000,000	1,861,000,000	1,861,155,744	(155,744)	(155,744)		
16	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị NSH CD trên địa bàn dân cư số 3-4-5, số 6, số 11-12, số 13 và số 18 phường Vĩnh Phúc	1	4,765,000,000	3,195,000,000	1,570,000,000	1,365,445,000	204,555,000	204,555,000		
17	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị NSH CD địa bàn dân cư số 2, 3, 9 và trạm tuần tra TDP số 2, 3, 4, 7, 8, 9 phường Liễu Giai	1	4,200,000,000	2,200,000,000	2,000,000,000	1,901,296,000	98,704,000	98,704,000		
18	Xây dựng mới NSH CD K80C phường Vĩnh Phúc	1	2,371,000,000	1,936,000,000	435,000,000	63,516,000	371,484,000	371,484,000		
19	Xây dựng NVH KDC số 1 kết hợp bố trí bổ sung diện tích làm việc cho phường Liễu Giai nay là xây dựng NSH cộng đồng KDC số 1 phường Liễu Giai	1	3,502,000,000	2,792,000,000	710,000,000	507,744,000	202,256,000	202,256,000		
III	Lĩnh vực HTKT	7	45,233,000,000	39,610,000,000	5,623,000,000	5,004,276,000	618,724,000	618,127,000	597,000	
1	Cải tạo HTKT phường Liễu Giai, Công Vi, Kim Mã, Vĩnh Phúc năm 2023	1	7,484,000,000	6,639,000,000	845,000,000	844,772,000	228,000		228,000	
2	Cải tạo HTKT phường Liễu Giai, Công Vi, Kim Mã, Đội Cấn năm 2022	1	9,326,000,000	9,161,000,000	165,000,000	165,113,000	(113,000)	(113,000)		
3	Lắp đặt bổ sung đèn chiếu sáng trong các ngõ ngách trên địa bàn quận Ba Đình năm 2022	1	4,029,000,000	4,029,000,000						
4	Cải tạo, sửa chữa HTKT các ngõ, ngách trên địa bàn phường Vĩnh Phúc, Ngọc Hà, Đội Cấn	1	5,272,000,000	4,690,000,000	582,000,000	582,400,000	(400,000)	(400,000)		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú	
					KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025				
							Tổng số	Tiếp tục thực hiện	Hủy bỏ/ điều chỉnh DA khác		
5	Cải tạo HTKT phường Đội Cấn, Ngọc Hà, Điện Biên, Giảng Võ, Thành Công năm 2023	1	8,712,000,000	7,821,000,000	1	891,000,000	890,631,000	369,000		369,000	
6	Xây dựng HTKT khu vực ngõ 279 Đội Cấn	1	2,010,000,000	1,870,000,000	1	140,000,000	98,752,000	41,248,000	41,248,000		
7	Cải tạo HTKT phường Liễu Giai, Cống Vị, Kim Mã, Vĩnh Phúc năm 2024	1	8,400,000,000	5,400,000,000	1	3,000,000,000	2,422,608,000	577,392,000	577,392,000		
IV	Lĩnh vực QLNN	10	133,450,000,000	94,961,000,000	8	38,489,000,000	29,331,746,415	9,157,253,585	8,066,493,100	1,090,760,485	
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở phường Liễu Giai	1	3,407,000,000	3,407,000,000					-		
2	Cải tạo, nâng cấp đồng bộ trụ sở phường Vĩnh Phúc	1	253,000,000	253,000,000					-		
3	Cải tạo, trang trí và lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến cố định tại phòng 414, 615 thuộc trụ sở cơ quan Quận ủy	1	6,773,000,000	6,169,000,000	1	604,000,000	603,501,000	499,000		499,000	
4	Xây dựng mới trụ sở làm việc tại số 327 Đội Cấn	1	2,572,000,000	2,500,000,000	1	72,000,000	-	72,000,000	72,000,000		
5	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung, thay thế trang thiết bị tại trụ sở UBND quận	1	13,924,000,000	12,963,000,000	1	961,000,000	960,861,400	138,600		138,600	
6	Lắp đặt màn hình led tại trụ sở Đảng ủy - UBND phường Kim Mã	1	2,733,000,000	2,100,000,000	1	633,000,000	632,780,000	220,000		220,000	
7	Lắp đặt màn hình led tại trụ sở Đảng ủy - UBND phường Vĩnh Phúc	1	913,000,000	826,000,000	1	87,000,000	87,356,100	(356,100)	(356,100)		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú	
					Số dự án	KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025			
								Tổng số	Tiếp tục thực hiện		Hủy bỏ/ điều chỉnh DA khác
8	Chính lý, xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ các phòng ban chuyên môn thuộc quận	1	40,972,000,000	27,272,000,000	1	13,700,000,000	12,610,097,115	1,089,902,885		1,089,902,885	
9	XD Trung tâm quản lý theo dõi, vận hành thông minh và phân tách nguồn điện, điều khiển chiếu sáng thông minh, thay thế đèn chiếu sáng trong các ngõ ngách trên địa bàn quận bằng LED tiết kiệm năng lượng, kết hợp một phần sử dụng năng lượng mặt trời	1	60,182,000,000	38,750,000,000	1	21,432,000,000	13,582,371,800	7,849,628,200	7,849,628,200		
10	Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái trụ sở ĐU-UBND phường Liễu Giai	1	1,721,000,000	721,000,000	1	1,000,000,000	854,779,000	145,221,000	145,221,000		
V	Lĩnh vực y tế	2	12,950,000,000	10,196,000,000	2	2,754,000,000	2,663,612,000	90,388,000	-	90,388,000	
1	Cải tạo, sửa chữa 05 trạm y tế phường Ngọc Khánh, Ngọc hà, Kim Mã, Nguyễn Trung Trực, Thành Công	1	6,246,000,000	5,246,000,000	1	1,000,000,000	921,178,000	78,822,000		78,822,000	
2	Cải tạo, sửa chữa 06 trạm y tế phường Vĩnh Phúc, Phúc Xá, Công Vị, Điện Biên, Giảng Võ, Liễu Giai	1	6,704,000,000	4,950,000,000	1	1,754,000,000	1,742,434,000	11,566,000		11,566,000	
B.2	Dự án đang triển khai	30	818,076,000,000	595,624,000,000	23	222,452,000,000	193,313,131,525	29,138,868,475	29,138,868,475	-	
B.2.1	Đã đăng thi công, hoàn thành sau 25/6/2025	30	818,076,000,000	595,624,000,000	23	222,452,000,000	193,313,131,525	29,138,868,475	29,138,868,475	-	
I	Lĩnh vực giáo dục	8	134,478,000,000	69,428,000,000	7	65,050,000,000	60,570,322,200	4,479,677,800	4,479,677,800	-	
1	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin các trường mầm non trên địa bàn quận	1	5,800,000,000	1,800,000,000	1	4,000,000,000	4,000,000,000	-	-		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú
					Số dự án	KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025		
								Tổng số	Tiếp tục thực hiện	
2	Cải tạo trường mẫu giáo số 5 đảm bảo PCCC và đạt chuẩn QG (trước là Cải tạo hệ thống PCCC trường mẫu giáo số 5)	1	6,326,000,000	2,226,000,000	1	4,100,000,000	4,056,900,000	43,100,000	43,100,000	
3	Cải tạo, bổ sung phòng học, phòng chức năng trường TH Vạn Phúc (đạt chuẩn quốc gia)	1	17,501,000,000	7,501,000,000	1	10,000,000,000	9,652,277,000	347,723,000	347,723,000	
4	Cải tạo, bổ sung phòng học bộ môn và phòng chức năng trường THCS Thống Nhất (đạt chuẩn quốc gia)	1	65,986,000,000	30,986,000,000	1	35,000,000,000	31,098,648,000	3,901,352,000	3,901,352,000	
5	Đầu tư trang thiết bị và mạng LAN các trường: MN A, TH Thủ Lệ, THCS Thống Nhất, TT điện kinh tại Phòng GD&ĐT hướng tới xây dựng trường học thông minh	1	31,750,000,000	24,750,000,000	1	7,000,000,000	6,898,636,000	101,364,000	101,364,000	
6	Cải tạo, bổ sung phòng học bộ môn và phòng chức năng trường THCS Hoàng Hoa Thám (đạt chuẩn quốc gia)	1	918,000,000	918,000,000		-		-	-	
7	Cải tạo bổ sung phòng chức năng, nhà ăn trường TH Nguyễn Bá Ngọc (đạt chuẩn quốc gia)	1	5,397,000,000	947,000,000	1	4,450,000,000	4,450,000,000	-	-	
8	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin các trường TH và THCS trên địa bàn quận	1	800,000,000	300,000,000	1	500,000,000	413,861,200	86,138,800	86,138,800	
								-	-	
								-	-	
II	Lĩnh vực văn hóa thông tin	9	84,167,000,000	53,950,000,000	7	30,217,000,000	25,336,316,000	4,880,684,000	4,880,684,000	-
1	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị NSH CD trên địa bàn phường Đội Cấn	1	2,400,000,000	-	1	2,400,000,000		2,400,000,000	2,400,000,000	
2	Xây dựng NSH cộng đồng số 9 kết hợp hội trường văn hóa phường Đội Cấn	1	11,487,000,000	11,487,000,000				-	-	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú
					Số dự án	KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025		
								Tổng số	Tiếp tục thực hiện	
3	Xây dựng NSH CD và sân chơi tại khu đất tổ 35 cụm 5, xứ đồng Phấn Mai, ngõ 343 phố Đội Cấn, phường Liễu Giai	1	753,000,000	436,000,000	1	317,000,000	317,363,000	(363,000)	(363,000)	
4	Xây dựng NSH CD địa bàn dân cư số 6,7,8,14 phường Vĩnh Phúc	1	183,000,000	183,000,000				-	-	
5	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Bát Mẫu	1	27,473,000,000	13,473,000,000	1	14,000,000,000	14,000,000,000	-	-	
6	Tu bổ tôn tạo di tích đình Kim Mã Thượng	1	10,230,000,000	9,530,000,000	1	700,000,000	673,065,000	26,935,000	26,935,000	
7	Tu bổ, tôn tạo tổng thể di tích đình Cống Vị (bao gồm vườn hoa tại điểm đất ngõ 518 phố Đội Cấn thuộc khu vực bảo vệ 1 di tích đình Cống Vị)	1	4,507,000,000	207,000,000	1	4,300,000,000	4,300,000,000	-	-	
8	Tu bổ, tôn tạo tổng thể đình, đền Liễu Giai	1	6,774,000,000	774,000,000	1	6,000,000,000	6,000,000,000	-	-	
9	Tu bổ tôn tạo di tích đình Đại Yên	1	20,360,000,000	17,860,000,000	1	2,500,000,000	45,888,000	2,454,112,000	2,454,112,000	
								-	-	
	Lĩnh vực thể dục thể thao	1	362,936,000,000	283,965,000,000	1	78,971,000,000	78,970,739,000	261,000	261,000	-
1	Xây dựng hạng mục chức năng hoàn thiện khu liên hợp Cung thể thao tổng hợp Quân Ngựa	1	362,936,000,000	283,965,000,000	1	78,971,000,000	78,970,739,000	261,000	261,000	
								-	-	
	Lĩnh vực HTKT	8	217,845,000,000	176,645,000,000	4	41,200,000,000	21,721,611,000	19,478,389,000	19,478,389,000	-
1	Xây dựng HTKT phục vụ cấp nước PCCC trên địa bàn các phường thuộc quận	1	26,984,000,000	17,984,000,000	1	9,000,000,000	7,465,093,000	1,534,907,000	1,534,907,000	
2	Cải tạo hạ tầng kỹ thuật để nhận diện kết nối các di tích trên địa bàn phường Ngọc Hà	1	6,800,000,000	2,400,000,000	1	4,400,000,000	4,303,415,000	96,585,000	96,585,000	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú
					Số dự án	KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025		
								Tổng số	Tiếp tục thực hiện	
3	Cống hóa mương và làm đường nối từ tổ 10 KDC số 1 đến khu tập thể quân trang	1	2,290,000,000	2,290,000,000			-	-		
4	GPMB 2 căn nhà nằm trên vỉa hè phố Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc	1	-				-	-		
5	Xây dựng đường giao thông nội bộ và khớp nối HTKT tại điểm đất TDP 12C và 14 phường Vĩnh Phúc	1	92,000,000	92,000,000			-	-		
6	Thu hồi 05 điểm đất không đủ điều kiện tồn tại để phục vụ mục đích công cộng	1	4,476,000,000	4,476,000,000			-	-		
7	Cải tạo, sửa chữa ngõ, ngách 343 phố Đội Cấn, phường Liễu Giai	1	4,203,000,000	2,403,000,000	1	1,800,000,000	1,000,000,000	800,000,000	800,000,000	
8	Hoàn thiện HTKT khu 7,2ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình	1	173,000,000,000	147,000,000,000	1	26,000,000,000	8,953,103,000	17,046,897,000	17,046,897,000	
								-		
	Lĩnh vực QLNN	3	5,036,000,000	2,022,000,000	3	3,014,000,000	2,719,819,000	294,181,000	294,181,000	-
1	Xây dựng trụ sở ĐU - UBND phường Ngọc Hà và mở rộng ngõ vào theo quy hoạch	1	1,402,000,000	1,288,000,000	1	114,000,000	66,025,000	47,975,000	47,975,000	Tạm dừng
2	Chính lý, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của các Ban XD Đảng, VP Quận ủy, TT Chính trị, MTTQ, Hội CCB, Đoàn TNCS HCM, Hội LHPN, LĐLĐ	1	2,876,000,000	176,000,000	1	2,700,000,000	2,600,000,000	100,000,000	100,000,000	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú
					KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025			
							Tổng số	Tiếp tục thực hiện	Hủy bỏ/ điều chỉnh DA khác	
3	Thay thế thang máy hư hỏng và cải tạo hệ thống PCCC phòng lưu trữ hồ sơ tại Trụ sở QU - HENĐD - UBND quận	1	758,000,000	558,000,000	1	200,000,000	53,794,000	146,206,000	146,206,000	Tạm dừng
	Lĩnh vực khác	1	13,614,000,000	9,614,000,000	1	4,000,000,000	3,994,324,325	5,675,675	5,675,675	
1	Lắp đặt Camera giám sát an ninh trật tự, trật tự đô thị và VSMT trên địa bàn quận	1	13,614,000,000	9,614,000,000	1	4,000,000,000	3,994,324,325	5,675,675	5,675,675	
	Dự án mới mở thầu chưa khởi công (không bao gồm dự án nhóm B.2.1)	0								
B.2.2										
B.3	Phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	26	3,078,000,000	2,131,000,000	6	947,000,000	733,340,840	213,659,160	213,659,160	
I	Lĩnh vực giáo dục	2	200,000,000	200,000,000						
1	XD trường MN phục vụ nhân dân phường Vĩnh Phúc (tại điểm đất Ao Út Tu)	1	200,000,000	200,000,000						
2	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Sao Mai	1	-							
II	Lĩnh vực văn hóa thông tin	11	1,190,000,000	1,043,000,000	3	147,000,000	136,546,040	10,453,960	10,453,960	
1	Xây dựng mới NVH phường Vĩnh Phúc	1	-							
2	Xây dựng vườn hoa, cây xanh tại điểm đất ngõ 75 phố Vĩnh Phúc	1	43,000,000	33,000,000	1	10,000,000	9,788,040	211,960	211,960	
3	Xây dựng vườn hoa, cây xanh tại khu đất bãi Mía, ngõ 6 Vĩnh Phúc	1	36,000,000	36,000,000						
4	XD vườn hoa, cây xanh tại điểm đất phía Nam ao Út Tu	1	33,000,000	33,000,000						
5	XD NSH cộng đồng TDP số 1A, 1C, 9, 17 phường Vĩnh Phúc	1	122,000,000	122,000,000						
6	Xây dựng vườn hoa, cây xanh tại điểm đất từ số nhà 67 đến số nhà 79 phố Văn Cao	1	-							

TT	Danh mục dự án	Số dự án	KHHV 2021-2025 đã bố trí	Đã bố trí 2021-2024	Phân bổ KHV năm 2025					Ghi chú
					KHV năm	Giải ngân đến hết 30/6/2025	KHV chưa thực hiện chuyển 6 tháng cuối năm 2025			
							Tổng số	Tiếp tục thực hiện	Hủy bỏ/ điều chỉnh DA khác	
7	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Bát Tháp	1	402,000,000	315,000,000	87,000,000	86,747,000	253,000	253,000		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vạn Phúc (giai đoạn 2)	1	178,000,000	178,000,000		-	-			
9	Tu bổ, tôn tạo tổng thể Đền Cống Yên	1	149,000,000	149,000,000		-	-			
10	Tu bổ, tôn tạo tổng thể Đền Miếu Trắng	1	177,000,000	177,000,000		-	-			
11	Tu bổ, tôn tạo tam bảo và một số hạng mục di tích chùa vĩnh khánh	1	50,000,000		50,000,000	40,011,000	9,989,000	9,989,000		
III	Lĩnh vực HTKT	6	410,000,000	310,000,000	100,000,000	-	100,000,000	100,000,000	-	
1	Mở rộng tuyến ngõ 35 phố Kim Mã Thượng (từ phố Phan Kế Bính đến phố Kim Mã Thượng theo Quy hoạch phân khu đô thị H1-2)	1	104,000,000	104,000,000			-			
2	XD tuyến đường giao thông từ phố Đội Nhân đến đường Hoàng Hoa Thám; nối từ tập thể Quân Trang đến tuyến đường mới mở (đi qua điểm đất Ao Út Tu) theo Quy hoạch phân khu đô thị H1-2	1	206,000,000	206,000,000			-			
3	Giải quyết tồn tại của Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường DA II trên địa bàn quận	1	-				-			
4	XD HTKT xung quanh hồ Bảy Gian (theo chỉ đạo của TP)	1	-				-			
5	Xây dựng, mở rộng, chỉnh trang tuyến đường từ ngõ 376 đường Bưởi qua phố Đội Nhân đến phố Đốc Ngừ	1	50,000,000		50,000,000		50,000,000	50,000,000		
6	Xây dựng công hòa kết hợp làm đường trên tuyến nương phía Nam khu 7,2ha Vĩnh Phúc, quận Ba Đình	1	50,000,000		50,000,000		50,000,000	50,000,000		

[illegible]

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 18 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Ngọc Hà)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2026		
	(năm hiện hành)			THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)			
TỔNG SỐ	2,002,846	2,002,846	-	2,100,000	2,100,000	-
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	2,002,846	2,002,846	-	2,100,000	2,100,000	-
Quỹ khuyến học	311,228	311,228		320,000	320,000	
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	200,869	200,869		310,000	310,000	
Quỹ người cao tuổi	240,460	240,460		320,000	320,000	
Quỹ vì người nghèo	506,594	506,594		560,000	560,000	
Quỹ trẻ em	333,067	333,067		440,000	440,000	
Quỹ khác	408,613	408,613				
Quỹ phòng chống thiên tai	2,015	2,015		150,000	150,000	

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi